

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ
theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND trên địa bàn phường Đồ Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 21/05/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho các phòng, các đơn vị trên địa bàn phường Đồ Sơn;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc phân bổ kinh phí năm 2026 cho Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị để chi hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo Quý II và Quý III trên địa bàn phường Đồ Sơn theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn phường Đồ Sơn năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 22/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn phường Đồ Sơn giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 45/BC-XDNN&MT ngày 07 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách gồm 36 đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng trên địa bàn phường Đồ Sơn.

(Danh sách cụ thể theo Phụ lục gửi kèm).

Điều 2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 được thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời gian hưởng quy định tại Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giao Phòng Kinh tế có trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí; giao Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng đủ điều kiện theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và kịp thời, đồng thời phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 3 kiểm tra, thực hiện việc chi trả cho đối tượng thụ hưởng đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng phòng phòng Văn hoá - Xã hội; Trưởng phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực III và các cá nhân, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT ĐU; TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các TDP liên quan;
- Lưu: VT, XDNN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Diện

PHỤ LỤC
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2026/NQ-HĐND TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐỎ SƠN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

S T T	ST T Hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/ yyyy)	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố	Thuộc đối tượng	Mức hiện hưởng BTXH/ tháng	Mức hưởng theo NQ 04/2026/NQ -HĐND/ tháng	Đối tượng theo Nghị quyết 04	Ghi chú
I. Danh sách hộ cận nghèo (28 hộ; 35 nhân khẩu)												
1	1	Đinh Thị Nga	Đinh Thị Nga	CH	02/06/1974	031174012861	Vạn Hương	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
2			Đinh Thị Ngoãn	Chị	30/03/1962	031162019116	Vạn Hương	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
3	2	Hoàng Gia Ban	Hoàng Gia Ban	CH	05/12/1979	031079001752	Vạn Hương	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
4	3	Đinh Thị Châm	Đinh Thị Châm	CH	24/06/1948	031148004814	Vạn Hương	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
5	4	Đinh Xuân Tím	Nguyễn Thị Thanh	Vợ	22/07/1962	031162015223	Vạn Hương		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có bệnh án u ác tính
6	5	Đinh Đình Nam	Đinh Đình Nam	CH	20/07/1978	031078003095	Quyết Tiến	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
7	6	Vũ Thị Yên	Vũ Thị Yên	CH	30/12/1957	031157003876	Quyết Tiến		0	2.000.000	Thuộc điểm đ, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Độc thân có xác nhận của Công an phường
8	7	Hoàng Xuân Tắm	Hoàng Xuân Tắm	CH	19/04/1973	031073018543	Quyết Tiến	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
9			Hoàng Xuân Han	Anh	01/01/1962	031062017168	Quyết Tiến	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	

10	8	Vũ Thị Hưng	Vũ Thị Hưng	CH	01/12/1948	031148002537	Quyết Tiến	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
11	9	Nguyễn Thị Hải	Nguyễn Thị Hải	CH	02/11/1957	031157003306	Quyết Tiến	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
12	10	Bùi Thị Oanh	Bùi Thị Oanh	CH	02/11/1939	031139006773	Quyết Tiến	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
13	11	Đinh Thị Téng	Đinh Thị Téng	CH	03/08/1953	031153004611	Quyết Tiến		0	2.000.000	Thuộc điểm đ, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Độc thân có xác nhận của Công an phường
14	12	Đinh Thị Hoa	Đinh Thị Hoa	CH	10/10/1948	031148008677	Quyết Tiến		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có bệnh án chữa trị dài ngày
15	13	Đinh Đình Chấm	Đinh Đình Chấm	CH	01/01/1949	031049006137	Đồng Hải		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có bệnh án (sa sút trí tuệ)
16			Đinh Thị Bé	Vợ	01/01/1949	031149006347	Đồng Hải	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
17			Đinh Đình Quân	Con	01/01/1975	031075011718	Đồng Hải		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có bệnh án (sa sút trí tuệ)
18			Đinh Đình Quyên	Con	07/11/1981	031081025204	Đồng Hải		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có bệnh án (sa sút trí tuệ)
19	14	Lưu Thị Mai	Lưu Thị Mai	CH	01/01/1947	031161015956	Đồng Hải	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
20	15	Trần Văn Đức	Trần Văn Đức	CH	01/03/1984	031084003006	Vùng	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
21			Trần Thị Cồn	Mẹ	01/01/1950	030150001256	Vùng	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
22	16	Hoàng Thị Ngọc	Hoàng Thị Dung	Con	09/02/1960	031160008125	Vùng	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
23	17	Nguyễn Phú Vinh	Nguyễn Phú Vinh	CH	5/10/1953	031053000194	Vùng	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
24			Lương Thị Vân	Vợ	10/05/1951	031151000144	Vùng		0	2.000.000	Thuộc điểm đ, khoản 2, Điều 2 NQ 04	
25	18	Đoàn Thị Tảo	Đoàn Thị Tảo	CH	20/02/1945	031145000342	Vùng	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	

26	19	Hoàng Thị Mỹ	Hoàng Thị Mỹ	CH	01/01/1947	031147009153	Vùng	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
27	20	Phạm Thị Phiếu	Phạm Thị Phiếu	CH	24/07/1944	031144001032	Vạn Sơn	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
28	21	Nguyễn Văn Sáng	Nguyễn Yến Vi	Con	16/03/2009	031309006353	Vạn Sơn		0	2.000.000	Thuộc điểm d, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Đã có xác nhận đang đi học
29	22	Cao Thị Thúy	Cao Thị Thúy	CH	21/06/1955	031155012585	Vạn Sơn	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
30	23	Lê Thị Kỳ	Lê Thị Kỳ	CH	18/9/1952	031152013647	Vạn Sơn		0	2.000.000	Thuộc điểm đ, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Độc thân có xác nhận của Công an phường
31	24	Hoàng Thị Dậu	Hoàng Thị Dậu	CH	01/01/1934	031134000215	Đông Hải	Bảo trợ XH	1.400.000	600.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
32	25	Lưu Đình Đức	Lưu Đình Đức	CH	15/11/1973	031073010129	Ngọc Hải	Bảo trợ XH	1.050.000	950.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
33	26	Lưu Thị Huệ	Lưu Thị Huệ	CH	01/01/1954	031154015418	Tây Hải	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
34	27	Hoàng Thị Thanh	Hoàng Thị Thanh	CH	20/10/1961	031161015956	Tây Hải	Hưu trí XH	700.000	1.300.000	Thuộc khoản 1, Điều 2 NQ04	
35	28	Lê Viết Hùng	Lê Viết Mạnh	Con	08/10/2006	031206005293	Trung Dũng		0	2.000.000	Thuộc điểm d, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Đã có xác nhận đang đi học
II. Danh sách hộ thoát cận nghèo (01 hộ; 01 nhân khẩu)												
1	1	Trịnh Thị Nhật	Đình Xuân Tiệp	Con	04/01/1981	031081001292	Đông Hải		0	2.000.000	Thuộc điểm b, khoản 2, Điều 2 NQ 04	Có sổ điều trị bệnh mãn tính (HIV)
		Tổng								48.900.000		